TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22-12-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Phúc và ông Lưu Đình Bằng;

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Yến, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm C khai vụ án dân sự thụ lý số 176/2025/TLST-HNGĐ ngày 14/10/2025 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/11/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 39/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08/12/2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Hồng Đ, sinh năm 1984; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

* Bị đơn: Anh Mai Thanh H, sinh năm 1982; (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Mai Văn H1, sinh ngày 31/10/2012; (có mặt)

+ Cháu Mai Vũ Thành C, sinh ngày 05/9/2016; (có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp của cháu H1 và cháu C: Chị Vũ Thị Hồng Đ và anh Mai Thanh H là bố mẹ đẻ của các cháu.

* *Người làm chứng*:

+ Ông Mai Văn Đ, sinh năm 1956; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

+ Bà Hồ Thị L, sinh năm 1962; (vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Ho, thôn Đào Du, xã Phùng Chí Kiên, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Vũ Thị Hồng Đ trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mai Thanh H tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P(nay là xã Đ) vào ngày 28/12/2011 theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng chị bình thường, đến khoảng tháng 7/2025 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xoay quanh vấn đề kinh tế gia đình, vợ chồng không có sự bàn bạc, thống nhất; ngoài ra, tính cách giữa chị và anh H không hòa hợp nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị hai bên gia đình có biết và có khuyên ngăn nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Khoảng tháng 07/2025, vợ chồng chị quyết định sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm hay liên lạc với nhau nữa. Đến nay, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh H, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Thanh H.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Mai Văn H1, sinh ngày 31/10/2012 và cháu Mai Vũ Thành C, sinh ngày 05/9/2016. Hiện tại, hai cháu Đ ở với anh H. Ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C và giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Mỗi người nuôi một cháu nên hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Chị và anh H có tài sản chung, chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung: Chị và anh H không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Mai Thanh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Việc đăng ký kết hôn như chị Vũ Thị Hồng Đ trình bày là đúng. Quá trình chung sống, đến khoảng tháng 8/2025 vợ chồng anh nảy sinh mâu thuẫn, trong cuộc sống, vợ chồng không tránh khỏi việc xảy ra lời qua tiếng lại, chị Đ đi khám bệnh về trách móc anh không quan tâm, hỏi han đến chị Đ trong khi đó vì sợ nông sản hỏng anh phải đi bán mà không đi cùng chị Đ được. Ngoài ra, sau đó khoảng 02 tháng, vợ chồng anh đi bán Hng xe bị hỏng, chị Đ có những lời nói trách móc, xúc phạm anh tại chỗ đông người khiến anh rất bức xúc dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau, đến khoảng cuối tháng 8/2025 chị Đ đã chuyển ra Phố C ở riêng, anh vẫn đi lại đến thăm chị Đ nhưng chị Đ lại có những lời xúc phạm anh. Khoảng đầu tháng 10/2025, chị Đ đã chuyển lên huyện M, tỉnh Hưng Yên thuê nhà trọ ở riêng, chặn zalo, facebook, số điện thoại không cho anh liên lạc. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị, hai bên gia đình có biết nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm cho hai anh chị. Nay, chị Đ có đơn xin ly hôn anh, bản thân anh không hề mong muốn vợ chồng phải chia tay nhau. Trường hợp chị Đ vẫn cương quyết ly hôn anh thì anh cũng phải chấp nhận.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung như chị Đ trình bày là đúng. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, tự nguyện không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

- Về tài sản chung: Anh và chị Đ có tài sản chung là nhà và đất hiện đang ở, anh cũng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung: Anh và chị Đ không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu H1 và cháu C trình bày: Quá trình các cháu sống chung với bố mẹ, các cháu có thấy bố mẹ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, nguyên nhân mâu thuẫn và xảy ra khoảng thời gian nào thì các cháu không rõ. Khoảng từ tháng 8/2025 trở lại đây, bố mẹ các cháu không chung sống cùng nhau, các cháu ở với bố từ khi bố mẹ các cháu sống ly thân. Trường hợp bố mẹ ly hôn nhau, cháu H1 có nguyện vọng xin được ở với bố, còn cháu C có nguyện vọng xin được ở với mẹ, các cháu đều có quan điểm việc cấp dưỡng nuôi các cháu do bố mẹ quyết định, các cháu không có yêu cầu đề nghị gì.

Người làm chứng: Bà Hồ Thị L (là mẹ đẻ của chị Đ) và ông Mai Văn Đ (là bố đẻ của anh H) trình bày: Chị Đ và anh H tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, đến khoảng giữa năm 2025 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, theo bà L trình bày: do vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm sống, từ khi lấy nhau anh H không đi làm việc gì mà chỉ ở nhà ăn chơi, hầu như kinh tế gia đình đều do chị Đ lo toan dẫn đến anh H ỷ lại mặc dù anh H có sức khỏe, không đau ốm bệnh tật gì; chị Đ có tham gia góp ý thì vợ chồng xảy ra cãi nhau. Còn theo ông Đ trình bày: vợ chồng anh H, chị Đ mâu thuẫn xoay quanh cách sinh hoạt hàng ngày giữa hai anh chị. Cũng từ khoảng giữa năm 2025 cho đến nay, chị Đ và anh H sống ly thân nhau, mỗi người ở một nơi, vợ chồng không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay chị Đ có đơn xin ly hôn anh H, bà L không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật xem xét giải quyết. Còn ông Đ đề nghị Tòa án hòa giải cho hai anh chị quay về với nhau, trường hợp chị Đ kiên quyết xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật xem xét, giải quyết. Vợ chồng chị Đ và anh H có 02 con chung các cháu Mai Vũ Thành C, sinh ngày 05/9/2016 và cháu Mai Văn H1, sinh ngày 31/10/2012. Theo bà L và ông Đ cung cấp thì vợ chồng chị Đ, anh H có tài sản chung, còn có nợ chung hay không thì bà L và ông Đ không biết; giữa gia đình bà L và gia đình ông Đ với vợ chồng chị Đ, anh H không liên quan gì về vấn đề tài sản nên gia đình bà L và gia đình ông Đ không có yêu cầu, đề nghị gì.

UBND xã Đ cung cấp thông tin: Chị Đ và anh H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P(nay là UBND xã Đ) vào ngày 28/12/2011 theo đúng quy định pháp luật. Chị Đ và anh H có 02 con chung là cháu Mai Vũ Thành C, sinh ngày 05/9/2016 và cháu Mai Văn H1, sinh ngày 31/10/2012. Địa phương không nắm được vợ chồng chị Đ và anh H mâu thuẫn về vấn đề gì, có tài sản chung, nợ chung hay không thì địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa: Có mặt bị đơn anh H; có mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu H1, cháu C. Vắng mặt nguyên đơn chị Đ (chị Đ có đơn đề nghị Toà án giải quyết xét xử, vắng mặt).

Bị đơn anh Mai Thanh H trình bày: Đến nay, anh xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị Đ, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh cũng nhất trí ly hôn, đề nghị Toà án ghi nhận sự tự nguyện ly hôn cho anh và chị Đ. Anh xin được nuôi dưỡng cả hai con chung, tự nguyện không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi

con chung cùng anh. Về tài sản chung, nợ chung, C sức, ruộng canh tác chung, anh tự nguyện không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu H1 vẫn giữ quan điểm có nguyện vọng xin được ở với anh H; còn cháu C vẫn giữ quan điểm có nguyện vọng xin được ở với chị Đ. Ngoài ra, các cháu không có yêu cầu, đề nghị gì.

Đại diện VKSND khu vực 1 - Hưng Yên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Đ.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn cho chị Vũ Thị Hồng Đ và anh Mai Thanh H. Về con chung: Giao cháu C cho chị Đ và giao cháu H1 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H1, cháu C đủ 18 tuổi. Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu xem xét, giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, C sức đóng góp, ruộng canh tác: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn chị Vũ Thị Hồng Đ và bị đơn anh Mai Thanh H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Mai Thanh H có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn B, xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Chị Đ có đơn khởi kiện xin ly hôn anh H, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến Hnh giải quyết, xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Hồng Đ và anh Mai Thanh H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P(nay là UBND xã Đ) vào ngày 28/12/2011 theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh H là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, đến khoảng tháng 8/2025 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng

bất đồng quan điểm sống, về vấn đề kinh tế gia đình, vợ chồng không có sự bàn bạc, thống nhất, kinh tế gia đình đều do một mình chị Đ xoay sở, lo toan, tạo áp lực cho chị Đ, từ đó vợ chồng xảy ra cãi nhau, xúc phạm và không có sự tôn trọng lẫn nhau. Anh H và chị Đ đều xác nhận, vợ chồng sống ly thân nhau từ khoảng tháng 8/2025 cho đến nay, mỗi người ở nơi, không còn chung sống cùng nhau nữa. Đến nay, chị Đ xác nhận, không còn tình cảm với anh H, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H; còn anh H mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, nhưng nếu chị Đ cương quyết ly hôn thì anh phải chấp nhận. HĐXX xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi lẽ, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chung sống cùng nhau. Nhưng kể từ khoảng tháng 8/2025 cho đến nay hai anh chị đã sống ly thân nhau, vợ chồng đều không có bất kỳ biện pháp gì Hn gắn tình cảm vợ chồng mà để phó mặc. Chị Đ có đơn khởi kiện xin ly hôn anh H, tại phiên toà, anh H xác nhận cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị Đ nên anh cũng nhất trí ly hôn, anh đề nghị Toà án ghi nhận sự tự nguyện ly hôn cho anh và chị Đ nên căn cứ Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn cho chị Đ và anh H.

[3] Về con chung: Chị Đ và anh H đều xác nhận, vợ chồng có 02 con chung là cháu Mai Văn H1, sinh ngày 31/10/2012 và cháu Mai Vũ Thành C, sinh ngày 05/9/2016. Ly hôn, chị Đ có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu C, còn anh H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Cả chị Đ và anh H đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. HĐXX xét thấy: Việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn vừa là quyền, đồng thời là nghĩa vụ của cha, mẹ, con trên cơ sở xem xét điều kiện, nguyện vọng chính đáng của cha, mẹ và con. Xét điều kiện kinh tế, cả chị Đ và anh H đều làm nghề lao động tự do, mặc dù hai anh chị đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập nhưng theo anh chị trình bày thì mức thu nhập của anh, chị mỗi người khoảng 10.000.000đồng/tháng. Xét nguyện vọng, chị Đ có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C; còn anh H có nguyện vọng xin được nuôi cả hai con chung. Tuy nhiên, để đảm bảo điều kiện mọi mặt cho con khi cha, mẹ ly hôn nhau, xét trên cơ sở điều kiện kinh tế thì giao cho chị Đ và anh H mỗi người nuôi một cháu là phù hợp. H1 nữa, Toà án tiến Hnh lấy lời khai thì cháu H1 có nguyện vọng xin được ở với anh H, còn cháu C có nguyện vọng xin được ở với chị Đ. Tại phiên toà, cháu H1 tiếp tục xin được ở với anh H, cháu C tiếp tục xin được ở với chị Đ. Do đó, yêu cầu của anh H xin nuôi cả hai con chung không có cơ sở để được chấp nhận. Nên, giao cháu H1 cho anh H và giao cháu C cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu H1, cháu C đủ 18 tuổi là cần thiết, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của chị Đ, anh H; phù hợp nguyện vọng của cháu H1, cháu C và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị Đ và anh H đều tự nguyện không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào; cháu H1, cháu C cũng không có yêu cầu gì về vấn đề cấp dưỡng nuôi các cháu khi cha, mẹ ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện của các bên đương sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, chị Vũ Thị Hồng Đ và anh Mai Thanh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

Để đảm bảo quyền lợi của con chung sau khi cha mẹ ly hôn, chị Đ và anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị Hồng Đ và anh Mai Thanh H đều xác nhận hai anh chị có tài sản chung nhưng tự nguyện không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị Vũ Thị Hồng Đ và anh Mai Thanh H đều xác nhận, vợ chồng anh chị không có nợ chung, không có công sức đóng góp cho hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy đinh của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Việc ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các bên đương sự tại phiên toà thì buộc các bên đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định. Do đó, buộc chị Đ và anh H mỗi người phải chịu 50% án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy đinh của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Vũ Thị Hồng Đ và anh Mai Thanh H.

2. Về con chung: Giao cháu Mai Vũ Thành C, sinh ngày 05/9/2016 cho chị Vũ Thị Hồng Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi; giao cháu cháu Mai Văn H1, sinh ngày 31/10/2012 cho anh Mai Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 12/2025 cho đến khi cháu H1 đủ 18 tuổi. Chị Vũ Thị Hồng Đ và anh Mai Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sau khi ly hôn, chị Vũ Thị Hồng Đ và anh Mai Thanh H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được cản trở.

Để đảm bảo quyền lợi của con chung sau khi cha mẹ ly hôn, chị Đ và anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi

con chung, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung, C sức, ruộng canh tác: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị Hồng Đ phải chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BLTU/0002091 ngày 14/10/2025 của Phòng thi Hnh án dân sự khu vực 1 - Hưng Yên, chị Đ đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn. Hoàn trả chị Vũ Thị Hồng Đ 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

Anh Mai Thanh H phải chịu 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 1 - Hưng Yên
- Phòng THADS khu vực 1 - Hưng Yên;
- UBND xã Đ, GCNKH số 43/2011;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Bùi Mạnh Quyền